

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1211 /BKHT-KTĐN

V/v trình phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn” vay vốn ADB.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn (văn bản số 36/TTr-UBND ngày 17/5/2017, số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017), Bắc Kạn (văn bản số 30/TTr-UBND ngày 17/5/2017, số 3182/UBND-TH ngày 07/7/2017), Cao Bằng (văn bản số 1408/TTr-UBND ngày 15/5/2017, số 2157/BC-UBND ngày 10/7/2017) và Hà Giang (văn bản số 55/TTr-UBND ngày 16/5/2017, số 2665/UBND-KTTH ngày 07/7/2017) đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn” (Dự án) do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ. Về vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. Căn cứ pháp lý

1. Dự án nêu trên phù hợp với định hướng ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

2. Tại văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý Đề xuất Dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”.

3. Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của UBND các tỉnh và ý kiến của Hội đồng nhân dân các tỉnh: Lạng Sơn (văn bản số 36/TTr-UBND ngày 17/5/2017, số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017, số 205/HĐND ngày 17/5/2017), Bắc Kạn (văn bản số 30/TTr-UBND ngày 17/5/2017, số 3182/UBND-TH ngày 07/7/2017, số 54/HĐND-VP ngày 21/4/2017), Cao Bằng (văn bản số 1408/TTr-UBND ngày 15/5/2017, số 2157/BC-UBND ngày 10/7/2017, số 90/HĐND ngày 15/5/2017) và Hà Giang (văn bản số 55/TTr-UBND ngày 16/5/2017, số 2665/UBND-KTTH ngày 07/7/2017, số 92/HĐND-VP ngày 16/5/2017).

II. Nội dung chính của Dự án

Dự án nêu trên thuộc một Khoản vay chung theo mô hình ADB đề nghị, là tổ hợp của 4 Dự án thành phần (4 Tiểu Dự án) được thực hiện độc lập tại các địa phương, cụ thể như sau:

1. Tiểu Dự án Hà Giang

1.1. Tên Tiểu Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Hà Giang.

1.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)

1.3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Hà Giang.

1.4. Mục tiêu, các hợp phần và kết quả chủ yếu của Tiểu Dự án:

1.4.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thị trường của nền kinh tế khu vực Đông Bắc Bộ.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng được mạng lưới giao thông để gắn kết giữa các khu vực, qua đó xóa bỏ được tình trạng chia cắt giữa các khu vực của tỉnh như hiện nay, nâng cao năng lực kết nối trong vùng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

+ Cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân;

1.4.2. Các hợp phần:

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng.

- Hợp phần 2: Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

1.4.3. Kết quả, nội dung chủ yếu:

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng.

+ Nâng cấp và cải tạo tuyến đường từ xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang đến xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên với chiều dài khoảng 25,01 km.

+ Nâng cấp và cải tạo đường từ thành phố Hà Giang đến khu công nghiệp Bình Vàng với chiều dài khoảng 20,517 km.

+ Nâng cấp và cải tạo tuyến đường Yên Minh – Mậu Duệ - Mèo Vạc với chiều dài khoảng 22,9 km.

- Hợp phần 2: Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt.

+ Xây dựng, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Vinh Quang và các xã Tụ Nhân, Bản Nhùng, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang với công suất dự kiến 2.200 m³/ngày đêm.

+ Xây dựng, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Cốc Pài và các xã Năm Dăn, Bản Ngò, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang với công suất 2.600 m³/ngày đêm.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

Nội dung của Hợp phần này gồm: (i) thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật về phát triển tổ chức và thể chế, chuẩn bị hợp đồng quản lý vận hành, mua sắm và lắp đặt hệ thống GIS cho quản lý tài sản, (ii) thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo

cho các cơ quan quản lý về bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, vận hành phần cứng và phần mềm GIS, (iii) thiết kế và tổ chức hội thảo giới thiệu, lấy ý kiến về hướng dẫn quản lý tài sản.

1.5. Thời gian và địa điểm thực hiện:

- Thời gian: 5 năm (2017 – 2022).

- Địa điểm: Tỉnh Hà Giang.

1.6. Hạn mức vốn:

Tổng vốn của Tiểu Dự án dự kiến là 42,87 triệu USD, trong đó:

- Vốn vay ưu đãi ADF/COL: 33,75 triệu USD.

- Vốn đối ứng: 9,12 triệu USD.

Dự kiến phân bổ vốn của Tiểu Dự án như sau:

STT	Hạng mục	Chi phí đầu tư (triệu USD)		
		Vốn ADB	Đối ứng	Tổng vốn
1	Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng	24,15	2,41	26,56
2	Hợp phần 2: Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt	3,29	0,33	3,62
3	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công	-	0,50	0,50
4	Chi phí giải phóng mặt bằng	-	3,29	3,29
5	Chi phí tư vấn	0,57	2,08	2,65
6	Chi phí quản lý	-	0,51	0,51
7	Chi phí dự phòng	4,41	-	4,41
8	Chi phí tài chính trong quá trình thực hiện	1,33	-	1,33
	Tổng cộng	33,75	9,12	42,87

1.7. Cơ chế tài chính trong nước:

- Phần vốn vay ADF: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 90% và cho vay lại 10% phần vốn vay ADB.

- Phần vốn đối ứng:

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB được cấp phát: UBND tỉnh Hà Giang tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB do tỉnh vay lại: UBND tỉnh Hà Giang tự cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh.

2. Tiểu Dự án Cao Bằng

2.1. Tên Tiểu Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Cao Bằng.

2.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

2.3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Cao Bằng.

2.4. Mục tiêu, các hợp phần và kết quả chủ yếu của Tiểu Dự án:

2.4.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thị trường của nền kinh tế khu vực Đông Bắc Bộ.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng được mạng lưới giao thông để gắn kết giữa các khu vực, qua đó xóa bỏ được tình trạng chia cắt giữa các khu vực của tỉnh như hiện nay; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hạ tầng kỹ thuật và giao thông tại các huyện của tỉnh, tăng cường giao thông kết nối.

+ Cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

+ Nâng cao hiệu quả của các hoạt động vận chuyển hàng hóa, dịch vụ của người dân trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực xung quanh.

2.4.2. Các hợp phần:

- Hợp phần 1: Kết nối giao thông.

- Hợp phần 2: Nâng cấp hệ thống cung cấp nước sinh hoạt.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

2.4.3. Kết quả, nội dung chủ yếu:

- Hợp phần 1: Kết nối giao thông.

+ Nâng cấp và cải tạo đường tỉnh 211 với chiều dài khoảng 28km.

+ Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới một số đoạn của đường tỉnh 206 và cầu Đồng Mây, cầu Bình Long (đường tỉnh 216) với chiều dài khoảng 27km.

+ Nâng cấp và cải tạo đường giao thông Tỉnh Túc – Phan Thanh – Mai Long (huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) – Pác Nặm (tỉnh Bắc Kạn), chiều dài khoảng 29,2 km.

- Hợp phần 2: Nâng cấp hệ thống cung cấp nước sinh hoạt.

+ Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tại thị trấn Xuân Hòa và xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng, công suất khoảng 2.000 m³/ngày đêm.

+ Nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước sinh tại thị trấn Pác Miều, huyện

Bảo Lâm, công suất khoảng 1.700 m³/ngày đêm.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

Nội dung của Hợp phần này gồm: (i) thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật về phát triển tổ chức và thể chế, chuẩn bị hợp đồng quản lý vận hành, mua sắm và lắp đặt hệ thống GIS cho quản lý tài sản, (ii) thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho các cơ quan quản lý về bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, vận hành phân cứng và phần mềm GIS, (iii) thiết kế và tổ chức hội thảo giới thiệu, lấy ý kiến về hướng dẫn quản lý tài sản.

2.5. Thời gian và địa điểm thực hiện:

- Thời gian: 5 năm (2017 - 2022).

- Địa điểm: tỉnh Cao Bằng.

2.6. Hạn mức vốn:

Tổng vốn của Tiểu Dự án dự kiến là 43,67 triệu USD, trong đó:

- Vốn vay ưu đãi ADF/COL: 33,75 triệu USD.

- Vốn đối ứng: 9,92 triệu USD.

Dự kiến phân bổ vốn của Tiểu Dự án như sau:

STT	Hạng mục	Chi phí đầu tư (triệu USD)		
		Vốn ADB	Đối ứng	Tổng vốn
1	Hợp phần 1: Hạ tầng kết nối giao thông	25,68	2,57	28,25
2	Hợp phần 2: Nâng cấp hệ thống cung cấp nước sinh hoạt	2,32	0,24	2,56
3	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công		0,5	0,5
4	Chi phí quản lý		0,32	0,32
5	Chi phí tư vấn	0,9	2,19	3,09
6	Chi phí GPMB		3,57	3,57
7	Chi phí dự phòng	2,88	0,53	3,41
8	Chi phí vốn hóa lãi	1,97		1,97
	Tổng cộng	33,75	9,92	43,67

2.7. Cơ chế tài chính trong nước:

- Phần vốn vay ADF: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 90% và cho vay lại 10% phần vốn vay ADB.

- Phần vốn đối ứng:

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB được cấp phát: UBND tỉnh Cao Bằng tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà

nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB do tỉnh vay lại: UBND tỉnh Cao Bằng tự cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh.

3. Tiểu Dự án Bắc Kạn

3.1. Tên Tiểu Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Bắc Kạn.

3.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

3.3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Bắc Kạn.

3.4. Mục tiêu, các hợp phần và kết quả chủ yếu của Tiểu Dự án:

3.4.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thị trường của nền kinh tế khu vực Đông Bắc Bộ.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cải tạo và xây dựng mới các công trình hạ tầng giao thông nhằm nâng cao khả năng liên kết vùng, giúp cho việc nâng cao khả năng liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh tế và hàng hóa, cải thiện môi trường và tăng tính liên kết giữa các địa bàn phát triển năng động trong khu vực cũng như với những địa bàn hành lang ven biển, vùng sâu, vùng xa, các vùng miền núi, và các khu vực khó khăn hơn.

+ Cải tạo và nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp nước sạch cho người dân trong khu vực vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa có nước sạch.

3.4.2. Các hợp phần:

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng.

- Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

3.4.3. Kết quả chủ yếu

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng.

+ Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, chiều dài khoảng 23,1 km.

+ Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Bình Gia, Lạng Sơn, chiều dài khoảng 22,971 km.

+ Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn với xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, chiều dài khoảng 14 km.

- Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt.

+ Xây mới hệ thống cấp nước trung tâm xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, công suất khoảng 1.300 m³/ngày đêm.

+ Xây mới hệ thống cấp nước xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, công suất khoảng 1.400 m³/ngày đêm.

+ Mở rộng mạng lưới công trình cấp nước huyện Chợ Mới, công suất khoảng 1.300 m³/ngày đêm và huyện Bạch Thông, công suất khoảng 1.000 m³/ngày đêm.

- Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công

Nội dung của Hợp phần này gồm: (i) thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật về phát triển tổ chức và thể chế, chuẩn bị hợp đồng quản lý vận hành, mua sắm và lắp đặt hệ thống GIS cho quản lý tài sản, (ii) thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho các cơ quan quản lý về bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, vận hành phần cứng và phần mềm GIS, (iii) thiết kế và tổ chức hội thảo giới thiệu, lấy ý kiến về hướng dẫn quản lý tài sản.

3.5. Thời gian và địa điểm thực hiện:

- Thời gian: 5 năm (2017 – 2022)

- Địa điểm: Tỉnh Bắc Kạn.

3.6. Hạn mức vốn:

Tổng vốn của Tiểu Dự án dự kiến là 42,41 triệu USD, trong đó:

- Vốn vay ưu đãi ADF/COL: 33,75 triệu USD.

- Vốn đối ứng: 8,66 triệu USD.

Dự kiến phân bổ vốn Tiểu Dự án như sau:

TT	Nội dung	Chi phí đầu tư (triệu USD)		
		Vốn ADB	Đối ứng	Tổng vốn
1	Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng	23,62	2,36	25,98
2	Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt	3,45	0,34	3,79
3	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công	-	0,50	0,50
4	Chi phí GPMB	-	3,54	3,54
5	Chi phí tư vấn	0,77	0,49	1,26
6	Chi phí quản lý	-	0,61	0,61
7	Chi phí dự phòng	4,18	0,82	5,00
8	Chi phí tài chính	1,73	-	1,73
	Tổng cộng	33,75	8,66	42,41

3.7. Cơ chế tài chính trong nước:

- Phần vốn vay ADB: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 90% và cho vay lại 10% phần vốn vay ADB.

- Phần vốn đối ứng:

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB được cấp phát: UBND tỉnh Bắc Kạn tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB do tỉnh vay lại: UBND tỉnh Bắc Kạn tự cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh.

4. Tiểu Dự án Lạng Sơn

4.1. Tên Tiểu Dự án: Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

4.3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Lạng Sơn.

4.4. Mục tiêu, các hợp phần và kết quả chủ yếu của Tiểu Dự án:

4.4.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thị trường của nền kinh tế khu vực Đông Bắc Bộ.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cải tạo và xây dựng mới các công trình hạ tầng giao thông nhằm nâng cao khả năng liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh tế và hàng hóa, cải thiện môi trường và tăng tính liên kết giữa các địa bàn phát triển năng động trong khu vực cũng như với những địa bàn hành lang cửa khẩu, vùng sâu, vùng xa, các vùng miền núi, và các khu vực khó khăn hơn.

+ Cấp nước sạch cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

+ Nâng cấp, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp nhằm đẩy mạnh tăng trưởng, nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các vùng kinh tế trọng điểm của khu vực, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần quan trọng thúc đẩy liên kết kinh tế, thu hút nguồn vốn tại địa phương cho phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo trong toàn khu vực.

4.4.2. Các hợp phần:

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng.

- Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt.

- Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp

- Hợp phần 4: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công

4.4.3. Kết quả, nội dung chủ yếu:

- Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng

+ Xây dựng nâng cấp đường Hoa Thám – Quý Hòa – Vĩnh Yên, huyện Bình Gia, chiều dài khoảng 22,95 km.

+ Xây dựng, cải tạo đường thị trấn Văn Quan – Pắc Kéo, huyện Văn Quan, chiều dài khoảng 9,728 km.

+ Xây dựng, cải tạo nâng cấp đường Tân Văn – Bình La, huyện Bình Gia, chiều dài khoảng 19,22 km.

+ Xây dựng tuyến Khau Bân – Còn Quan – Nà Lừa, huyện Đình Lập, chiều dài khoảng 10,653 km.

- Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước xã Tân Văn, huyện Bình Gia cung cấp nước sinh hoạt cho trên 500 hộ dân .

+ Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Cường Lợi và thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập với quy mô công suất 1.600m³/ngày đêm, thị trấn Nông trường Thái Bình, công suất 300 m³/ngày đêm, xã Cường Lợi và cung cấp nước sạch cho khoảng 5.000 nhân khẩu.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước Mẫu Sơn, tại xã Mẫu Sơn với quy mô công suất 2.500m³/ngày đêm.

- Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp.

+ Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng như: Các đường giao thông liên xã, các công trình thủy lợi nhỏ, hệ thống sân phơi,...để hỗ trợ cho chuỗi giá trị hàng hoá các sản phẩm nông nghiệp đặc thù và tiềm năng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như quế, hồi, chè.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng rau an toàn theo tiêu chuẩn Vietgap.

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc phát triển vùng trồng và chế biến dược liệu.

- Hợp phần 4: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công.

Nội dung của Hợp phần này gồm: (i) thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật về phát triển tổ chức và thể chế, chuẩn bị hợp đồng quản lý vận hành, mua sắm và lắp đặt hệ thống GIS cho quản lý tài sản, (ii) thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho các cơ quan quản lý về bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, vận hành phần cứng và phần mềm GIS, (iii) thiết kế và tổ chức hội thảo giới thiệu, lấy ý kiến về hướng dẫn quản lý tài sản.

4.5. Thời gian và địa điểm thực hiện:

- Thời gian: 5 năm (2017 – 2022).

- Địa điểm: Tỉnh Lạng Sơn.

4.6. Hạn mức vốn:

Tổng vốn đầu tư của Tiểu Dự án dự kiến là 61,39 triệu USD, trong đó:

- Vốn vay từ nguồn ADF của ADB: 48,75 triệu USD

- Vốn đối ứng: 12,64 triệu USD.

Dự kiến phân bổ vốn của Tiểu Dự án như sau:

STT	Hạng mục	Chi phí đầu tư (triệu USD)		
		Vốn ADB	Đối ứng	Tổng vốn
1	Hợp phần 1: Hệ thống đường giao thông liên kết vùng	23,25	2,33	25,58
2	Hợp phần 2: Hạ tầng cấp nước sinh hoạt	3,02	0,30	3,32
3	Hợp phần 3: Cơ sở hạ tầng cho chuỗi giá trị nông nghiệp	14,34	1,44	15,78
4	Hợp phần 4: Nâng cao năng lực quản lý tài sản công	-	0,5	0,5
5	Giải phóng mặt bằng	-	5,57	5,57
6	Tư vấn dự án	1,54	0,65	2,19
7	Quản lý dự án	-	0,81	0,81
8	Dự phòng	4,66	1,04	5,70
9	Chi phí tài chính trong quá trình thực hiện	1,94	-	1,94
	Tổng cộng	48,75	12,64	61,39

4.7. Cơ chế tài chính trong nước:

- Phần vốn vay ADB: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 90% và cho vay lại 10% phần vốn vay ADB.

- Phần vốn đối ứng:

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB được cấp phát: UBND tỉnh Lạng Sơn tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

+ Đối với phần vốn đối ứng để thực hiện phần vốn vay ADB do tỉnh vay lại: UBND tỉnh Lạng Sơn tự cân đối từ nguồn ngân sách của tỉnh.

III. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 4054/BKHĐT-KTĐN ngày 19/05/2017 đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến thẩm định về chủ trương đầu tư Dự án.

Ý kiến thẩm định của các cơ quan được tóm tắt như sau:

1. Bộ Tài chính (văn bản số 8830/BTC-QLN ngày 03/7/2017 – đính kèm)

1.1. Nhận xét chung

1.1.1 Về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

Đề nghị các tỉnh tham gia Dự án phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm thủ tục đưa các Tiểu Dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo quy định của Luật Đầu tư công ngay sau khi Dự án được ký kết để làm cơ sở phân bổ, giao dự toán hàng năm và triển khai thực hiện Dự án.

1.1.2 Về khả năng đảm bảo hạn mức vay nợ và khả năng trả nợ của các tỉnh:

- Căn cứ báo cáo giải trình về tình hình nợ của các tỉnh tham gia Dự án nêu trên, tính đến thời điểm hiện tại, các tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, Lạng Sơn đã trả nợ gốc trước hạn và đã đưa dư nợ nằm trong phạm vi hạn mức cho phép theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Số dư nợ và hạn mức nợ của các tỉnh cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tỉnh	Hạn mức dư nợ vay của NSDP	Số vay trong năm (*)	Dư nợ đầu năm 2017 (sau khi ĐP báo cáo lại)	Số đã trả nợ gốc từ đầu năm 2017 đến nay	Dư nợ 2017 tính đến thời điểm hiện tại	Chênh lệch giữa hạn mức dư nợ vay và dư nợ cuối 2017
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)	(7) = (2) - (6)
Hà Giang	319.000	15.350	638.000	319.000	319.000	0
Cao Bằng	180.582	15.750	574.699	295.180	(*)179.544	1.038
Bắc Kạn	104.266	9.880	241.764	157.700	84.064	23.202
Lạng Sơn	300.900	9.010	852.000	551.990	300.010	890

(*) Số dư 179.544 triệu đồng là số dư nợ sau khi đã trừ khoản vay của Dự án RE II của tỉnh Cao Bằng do tỉnh Cao Bằng và Tổng công ty Điện lực miền Bắc đã hoàn thành thủ tục bàn giao tài sản và trách nhiệm trả nợ nên khoản vay nợ của Dự án RE II không bao gồm trong hạn mức vay của tỉnh Cao Bằng.

1.1.3 Về cơ chế tài chính:

Hiện tại, các tỉnh tham gia Dự án đều đề xuất sử dụng nguồn vốn vay ADF của ADB. Do vậy, căn cứ quy định tại Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/04/2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính

phù đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Nghị định số 52/2017/NĐ-CP), Bộ Tài chính đề nghị cơ chế tài chính áp dụng đối với Dự án như sau:

- Đối với phần vốn vay ADF: Ngân sách Trung ương cấp phát 90% tổng mức vốn vay cho các tỉnh để thực hiện Dự án. UBND các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn vay lại với tỷ lệ 10% tổng mức vốn vay.

- Đối với phần vốn đối ứng: UBND các tỉnh tham gia Dự án tự đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Tính chất chi Dự án đối với nguồn vốn vay ADB là chi đầu tư phát triển.

1.1.4 Về khả năng trả nợ phần vốn vay lại của các tỉnh tham gia Dự án:

- Nguồn ngân sách trả nợ được các tỉnh cam kết bố trí từ nguồn thu trực tiếp do các Tiểu Dự án tác động tạo ra, nguồn thu tăng thêm từ nguồn quỹ đất, nguồn vượt thu ngân sách hàng năm, nguồn tăng thu thuế, phí đường bộ, và các nguồn hợp pháp khác để trả nợ.

Để thẩm định về khả năng vay lại của UBND các tỉnh, đề nghị UBND các tỉnh tham gia Dự án báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế cho vay lại nêu trên và khẩn trương gửi hồ sơ theo quy định tại Nghị định 52/2017/NĐ-CP ngày 28/04/2017 của Chính phủ cho Bộ Tài chính để thẩm định.

1.1.5 Về tác động của khoản vay lên mức nợ công:

Bộ Tài chính ước mức tác động của Dự án trên lên mức nợ công như sau:

Năm	GDP dự kiến (triệu USD)	Dự kiến giải ngân dự án (triệu USD)	Dự kiến Dư nợ (triệu USD)	Tác động nợ công/GDP (tính theo dư nợ dự kiến)
2018	228.049,24	15	15	0,007%
2019	242.399,33	35	50	0,021%
2020	258.189,86	45	95	0,037%

1.2. Ý kiến cụ thể:

- Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn rà soát, thực hiện theo đúng chỉ đạo tại công văn số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Văn phòng Chính phủ về Đề xuất Dự án. Trường hợp đầu tư cấp nước sinh hoạt không thuộc các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, đề nghị các tỉnh đưa ra khỏi Dự án.

- Phần dự kiến tiến độ thực hiện Dự án: Đề nghị UBND các tỉnh tham gia Dự án điều chỉnh lại thời gian cho phù hợp với tiến độ hiện tại và chỉ đưa các nội dung dự kiến thực hiện tiếp theo, không trình bày tại phần này những nội dung đã thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị Dự án.

- Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang bố trí vốn đối ứng để chi trả thuế VAT, không sử dụng vốn vay ADB theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 “chỉ vay để chi đầu tư phát triển”.

- Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng và Hà Giang rà soát, làm rõ về việc thiết kế nội dung thực hiện nâng cao năng lực quản lý tài sản công trong Dự án. Trường hợp cần thực hiện nội dung nâng cao năng lực quản lý tài sản công và quản lý dự án trong Dự án thì bố trí sử dụng vốn đối ứng, đồng thời làm rõ kinh phí phân bổ cho các hoạt động của Hợp phần này.

- Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Tiểu Dự án Cao Bằng:

+ Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng bổ sung bảng phân bổ chi tiết nguồn vốn (vốn vay và vốn đối ứng) theo từng hạng mục, hợp phần theo năm thực hiện để làm cơ sở xem xét về tính phù hợp trong việc sử dụng và phân bổ các nguồn vốn của Tiểu Dự án, kế hoạch giải ngân của Tiểu Dự án theo năm làm cơ sở xây dựng dự toán hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và làm cơ sở theo dõi, đánh giá, giám sát tình hình thực hiện Tiểu Dự án.

+ Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng bổ sung, phương án sử dụng vốn vay, nguồn vốn để trả nợ vốn vay của Tiểu Dự án.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (văn bản số 4088/NHNN-HTQT ngày 30/5/2017 – đính kèm):

2.1. Góp ý chung:

- Về cơ bản, UBND các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn đã tiếp thu ý kiến góp ý về Đề xuất Dự án của các Bộ, ngành trong quá trình lập Báo cáo chủ trương đầu tư các Tiểu Dự án.

- Các hạng mục đầu tư tại các Hợp phần của các Tiểu Dự án do các tỉnh đề xuất phù hợp với lĩnh vực ưu tiên, nguyên tắc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và Đề xuất Dự án đã được phê duyệt tại văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/5/2017.

- Về tiến độ thực hiện Dự án: Đến nay, Dự án đang trong giai đoạn thẩm định trình Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư. Thông thường, thời gian để có thể tiến hành đàm phán Dự án là sau 45 ngày kể từ ngày Quyết định đầu tư Dự án được phê duyệt. Đề nghị các tỉnh điều chỉnh mốc thời gian đàm phán (dự kiến cuối tháng 7/2017) và thời gian ký kết (dự kiến cuối tháng 9/2017) của Dự án cho phù hợp với tiến độ thực tế.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị các tỉnh tham gia Dự án khẩn trương đưa mức dư nợ về giới hạn cho phép, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính thẩm định tình hình vay trả nợ của địa phương nhằm đảm bảo tiến độ đàm phán và ký kết Hiệp định vay Dự án.

2.2. Góp ý cụ thể:

- Đối với tỉnh Lạng Sơn: Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Tiểu Dự án Lạng Sơn, hợp phần 4 (Phát triển cơ sở hạ tầng kết nối phía Đông Nam thành phố Lạng Sơn), đề xuất vay 50 triệu USD vốn OCR đã được đưa ra ngoài khỏi hạng mục vốn vay OCR. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cập nhật vào Tờ trình Thủ tướng phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Đối với tỉnh Hà Giang:

+ Đề nghị làm rõ và thống nhất lại số vốn đối ứng đề xuất của tỉnh.

+ Đề nghị tỉnh xem xét thống nhất lại một số chỉ số về chiều dài tuyến đường.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (văn bản số 4514/BNN-HTQT ngày 01/6/2017 – đính kèm):

- Cơ bản các hạng mục đề xuất đầu tư phù hợp với nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/5/2017. Chủ yếu các tỉnh đầu tư vào giao thông và cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm tăng cường tính kết nối, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; nâng cao điều kiện sống cho người dân nông thôn.

- Đề nghị UBND các tỉnh Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng cần có thuyết minh, giải trình rõ hơn về đề xuất đầu tư công trình cấp nước tại các thị trấn huyện.

- Đối với Tiểu Dự án Lạng Sơn, Hợp phần 3: Nhất trí với đề xuất thúc đẩy và hỗ trợ chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp đặc thù của tỉnh. Tuy nhiên, các hạng mục hạ tầng đề xuất cần được phân tích, xác định cụ thể dựa trên thực trạng chuỗi giá trị những sản phẩm này của tỉnh. Trong giai đoạn lập nghiên cứu khả thi, đề nghị tách phần đầu tư công trình giao thông sang Hợp phần 2, đảm bảo sự kết nối, liên kết, hỗ trợ giữa các hợp phần; bổ sung các hạng mục hạ tầng chuỗi giá trị trên cơ sở phân tích hiện trạng chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp mục tiêu. Bên cạnh đó, giai đoạn nghiên cứu khả thi cần bổ sung thuyết minh các giải pháp phi công trình, đã/đang hoặc sẽ đầu tư trong các chương trình/dự án khác của tỉnh cho chuỗi giá trị ngành hàng, để phối hợp, phát huy hiệu quả của đầu tư hạ tầng thuộc Tiểu Dự án.

+ Đối với việc xây dựng mô hình rau: Với mục tiêu trình diễn, đào tạo và phổ biến, thì mô hình cần có tính khả thi cao về chi phí và khả năng nhân rộng, do đó cần cân nhắc đến suất đầu tư, kỹ thuật áp dụng, quy mô sản xuất, hiện trạng và tập quán sản xuất của địa phương trong giai đoạn nghiên cứu khả thi; đặc biệt là khâu tổ chức sản xuất. Tránh tình trạng mô hình quá lý tưởng, không phù hợp với thực tế và khó có thể nhân rộng.

+ Đề nghị chi từ nguồn vốn đối ứng của tỉnh Lạng Sơn cho nội dung cải thiện chất lượng các hạng mục chi tiêu công, thuộc Hợp phần 4.

+ Các hạng mục đề xuất đầu tư đã có đầy đủ tính cấp thiết, phù hợp với mục tiêu đề ra của Dự án. Tuy nhiên, trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cần bổ sung thuyết minh về tính kết nối giữa những hạng mục đầu tư của

dự án này với các chương trình, dự án khác của tỉnh; nhằm phát huy hiệu quả, sự đồng bộ và tính liên kết nội tỉnh, liên kết vùng trong tổng thể đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội.

- Đề nghị các tỉnh cần bổ sung kế hoạch ngân sách cụ thể, ưu tiên cho các dự án vốn vay; đặc biệt đối với các tỉnh tham gia nhiều dự án vốn vay ODA mới.

4. Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 6069/BGTVT-KHĐT ngày 07/6/2017 – đính kèm):

- Về cấu trúc các Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các tỉnh đáp ứng theo mẫu quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

- Theo chức năng quản lý ngành, Bộ Giao thông vận tải nhận thấy việc đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông (các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ, liên xã) trong các hợp phần thuộc Dự án là cần thiết, cần được ưu tiên nhằm đảm bảo các mục tiêu nêu trên của Dự án. Đây cũng là nhân tố quan trọng, cơ bản để hỗ trợ các phát triển các ngành sản xuất và lưu thông sản phẩm của các tỉnh thuộc Dự án, đảm bảo tốt hơn việc quản lý nền kinh tế thị trường.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các nội dung cụ thể như điều kiện và hạn mức vay lại, tỷ lệ vốn ngân sách cấp phát cũng như các hạng mục được sử dụng vốn đối ứng, các căn cứ, thủ tục liên quan đến nhà tài trợ ADB... để báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đúng chức năng và nhiệm vụ được pháp luật quy định.

5. Giải trình tiếp thu của UBND các tỉnh:

5.1. Giải trình tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh tại văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Văn phòng Chính phủ:

- Đối với ý kiến về cơ sở đề xuất dự án Hợp phần cấp nước, theo giải trình giải trình tại văn bản của UBND các tỉnh Lạng Sơn (số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017), Bắc Kạn (số 3182/UBND-TH ngày 07/7/2017), Cao Bằng (số 2157/BC-UBND ngày 10/7/2017) và Hà Giang (số 2665/UBND-KTTH ngày 07/7/2017), các tỉnh đã tiếp thu, giải trình, làm rõ thêm về tính cần thiết và xác định địa bàn dự án đều thuộc các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn của tỉnh và khu vực.

- Về phần vốn vay ADB các tỉnh đều không đề xuất sử dụng cho hoạt động hành chính, tăng cường năng lực, hội nghị hội thảo, đào tạo tập huấn,...

5.2. Giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành:

- Về tổng mức đầu tư và phân tách vốn VAT ra khỏi vốn vay ADB, thống nhất về cơ chế tài chính, trách nhiệm bố trí vốn đối ứng, điều kiện vay lại, lãi suất vay lại, tính chất sử dụng vốn, hạn mức dư nợ và khả năng trả nợ vốn vay của Dự án: UBND các tỉnh đã tiếp thu và bổ sung, hoàn chỉnh nội dung và giải

trình tại văn bản của UBND các tỉnh Lạng Sơn (số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017), Bắc Kạn (số 3182/UBND-TH ngày 07/7/2017), Cao Bằng (số 2157/BC-UBND ngày 10/7/2017) và Hà Giang (số 2665/UBND-KTTH ngày 07/7/2017). Trong đó phần vốn để chi trả thuế VAT, UBND các tỉnh đảm bảo nguyên tắc không sử dụng vốn vay để chi trả thuế VAT.

- Đối với ý kiến về thiết kế nội dung thực hiện nâng cao năng lực quản lý tài sản công của Bộ Tài chính tại văn bản số 8830/BTC-QLN ngày 03/07/2017, UBND tỉnh Cao Bằng và Hà Giang đã rà soát, làm rõ về việc thiết kế nội dung thực hiện nâng cao năng lực quản lý tài sản công trong các Tiểu Dự án. UBND các tỉnh đã sử dụng nguồn vốn trong nước cho Hợp phần này.

- Đối với tiến độ thực hiện Dự án: UBND các tỉnh tham gia Dự án đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Ngân hàng Nhà nước tại văn bản số 4088/NHNN-HTQT ngày 30/05/2017 về góp ý. Các tỉnh đã thống nhất đảm bảo thời gian đàm phán.

IV. Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ hồ sơ, ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về sự cần thiết đầu tư Dự án và sự phù hợp với các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương; lĩnh vực ưu tiên và nguyên tắc sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi:

Theo giải trình của các tỉnh tham gia, việc đầu tư Dự án góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, nâng cao khả năng cạnh tranh của 4 tỉnh khu vực Đông Bắc, cải thiện hiệu quả mạng lưới giao thông trong khu vực dự án tạo mạng lưới liên kết các huyện/xã, kết nối các địa phương đang phát triển với các trung tâm công nghiệp, các điểm du lịch và dịch vụ trong vùng, cải thiện hệ thống cấp nước, xây dựng mô hình nông nghiệp và tăng cường quản lý tài sản công của các địa phương tham gia Dự án, góp phần đẩy mạnh và nhân rộng kết quả của Chương trình 135.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư của các tỉnh tham gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định, gồm:

- Văn bản số 4855/VPCP-QHQT ngày 11/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất Dự án nêu trên.

- Văn bản số 635/BKHĐT-KTĐN ngày 23/01/2017 và số 2200/BKHĐT-KTĐN ngày 23/3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất Dự án.

- Báo cáo Đề xuất chủ trương đầu tư các Tiểu Dự án và ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ của UBND các tỉnh.

3. Về bổ sung các Tiểu Dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020: Theo quy định hiện hành, các Tiểu Dự án nêu trên đủ điều kiện đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và kế hoạch hàng năm

sau khi Hiệp định vay được ký kết, được bố trí vốn trong hạn mức vốn nước ngoài trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm được Quốc hội phê duyệt.

4. Về các cấu phần và chi phí: Đề nghị UBND các tỉnh rà soát thêm, đảm bảo phần vốn vay chỉ tập trung cho các hoạt động đầu tư phát triển theo đúng Chi thị số 02/CT-TTg ngày 14/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công.

5. Về vấn đề cấp nước sạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các tỉnh cần tính toán, thiết kế công suất hệ thống cấp nước một cách hợp lý, hiệu quả, tránh lãng phí và bố trí đủ kinh phí vận hành, bảo dưỡng theo đúng quy định để hệ thống cấp nước được vận hành một cách có hiệu quả và bền vững.

6. Theo Đề xuất Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua, UBND tỉnh Lạng Sơn đề xuất sử dụng 50 triệu USD từ nguồn vốn vay ưu đãi (OCR/MOL) của ADB. Tuy nhiên, tại văn bản số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017, UBND tỉnh Lạng Sơn đề xuất tiến hành các thủ tục riêng để phê duyệt chủ trương đầu tư nguồn vốn vay ưu đãi này trong thời gian tới, do yêu cầu tiến độ đàm phán và ký kết Hiệp định vay vốn cho phần vốn ADF, kịp thời nhận phần vốn ODA này. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng đề xuất của UBND tỉnh Lạng Sơn là hợp lý.

7. Về mô hình tổ chức thực hiện Dự án: Dự án được tổ chức thực hiện độc lập theo các Tiểu Dự án, không có cơ quan điều phối tại trung ương. Mô hình này phù hợp các quy định hiện hành (như: Luật Ngân sách nhà nước,...) góp phần giảm chi phí hành chính, đi lại, quản lý không cần thiết và giúp các địa phương linh hoạt trong quá trình thực hiện các Tiểu Dự án.

8. Tại văn bản giải trình của UBND các tỉnh Lạng Sơn (số 219/BC-UBND ngày 07/7/2017), Bắc Kạn (số 3182/UBND-TH ngày 07/7/2017), Cao Bằng (số 2157/BC-UBND ngày 10/7/2017) và Hà Giang (số 2665/UBND-KTTH ngày 07/7/2017), về cơ bản, các ý kiến góp ý đã được giải trình cụ thể, các ý kiến còn lại đề nghị UBND các tỉnh rà soát, thể hiện trong quá trình lập và phê duyệt Văn kiện các Tiểu Dự án.

V. Kiến nghị

Với những ý kiến nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn” vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) bao gồm các Tiểu Dự án tại tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn với các nội dung nêu tại Mục II văn bản này.

2. Giao UBND các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn và Lạng Sơn, trong đó UBND tỉnh Lạng Sơn là cơ quan đầu mối, tiếp thu các ý kiến thẩm định, góp ý của các cơ quan liên quan đề lập, thẩm định phê duyệt Văn kiện các Tiểu Dự án và quyết định đầu tư theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo việc thực hiện các Tiểu Dự án hiệu quả, đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật. Trong đó: Không sử dụng vốn vay nghiên cứu, tập huấn, tuyên truyền, tăng

cường năng lực, xây dựng chính sách..., chỉ tập trung phần vốn vay cho các hoạt động đầu tư phát triển theo đúng Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công.

3. Giao Bộ Tài chính thẩm định khả năng trả nợ của UBND các tỉnh đối với phần vốn vay lại để xác định khả năng vay và trả nợ của địa phương theo quy định hiện hành.

4. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành các thủ tục đàm phán với ADB đúng tiến độ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm TL);
- VPCP, NHNNVN;
- Các Bộ: TC, NN&PTNT, GTVT;
- UBND các tỉnh: L.Sơn, B.Kạn, C.Bắc và H.Giang;
- Các Vụ: KT&P<, KCHT&ĐT;
- Lưu: VT, KĐN (H.Ph.14)


BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng